

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-5-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Bình.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Bá Hóa và Bà Bùi Thị Luyến.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Biện Việt Cường - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận  
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn 07, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn 07, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Cháu Lê Văn N, sinh ngày 10/11/2002;

3.2 Cháu Lê Văn Tr, sinh ngày 05/3/2006;

3.3 Cháu Lê Thị Minh H, sinh ngày 14/9/2015;

Cùng nơi cư trú: Thôn 07, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Phạm Thị L (có đơn xin xét xử vắng mặt), anh Lê Văn T, cháu Lê Văn N, cháu Lê Văn Tr và cháu Lê Thị Minh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2003 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng giữa năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, anh T thường hay nhậu nhẹt, thường xuyên xúc phạm danh dự, nhân phẩm và đánh đập chị L; Chị L khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L không muốn sống đoàn tụ với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung gồm: Cháu Lê Văn N, sinh ngày 10/11/2002; Cháu Lê Văn Tr, sinh ngày 05/3/2006; Cháu Lê Thị Minh H, sinh ngày 14/9/2015; Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu Lê Văn Tr và cháu Lê Thị Minh H cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Đối với cháu Lê Văn N hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Lê Văn Tr trình bày:*

Thời gian gần đây, cháu Trung có chứng kiến việc cha mẹ mâu thuẫn, cha mẹ đã không sống chung với nhau từ khoảng đầu năm 2021 đến nay; Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn thì cháu có mong muốn được sống chung với mẹ để thuận tiện cho việc học tập.

Đối với bị đơn anh Lê Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần yêu cầu anh Lê Văn T phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh Lê Văn T cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó Tòa án không thực hiện được việc lấy lời khai của bị đơn anh Lê Văn T. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh với đại diện thôn 07, xã G, huyện T xác định: Anh Lê Văn T và chị Phạm Thị L có nơi cư trú và đang sinh sống tại thôn 07, xã G, huyện T. Thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn do chị L có quan hệ ngoài hôn nhân, hiện nay chị L đã bỏ về nhà cha mẹ để đẻ sinh sống nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay.

Tòa án đã mở phiên hòa giải vào ngày 25/3/2021 và ngày 19/4/2021 để các

đương sự hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng anh Lê Văn T không có mặt tại phiên hòa giải, sau đó chị L có đơn xin từ chối hòa giải và đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cháu Lê Văn Tr, sinh ngày 05/3/2006 và cháu Lê Thị Minh H, sinh ngày 14/9/2015 cho chị L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom mà không được ai ngăn cản; Đối với cháu Lê Văn N hiện nay đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn; Các đương sự đều không có yêu cầu nào khác; Vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không cần phải ủy thác tư pháp; Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 07, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng hòa giải không thành. Bị đơn anh Lê Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Tòa án thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn T; Nguyên đơn chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Phạm Thị L.

[3] Về nội dung:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 01/4/2003 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù chị L và anh T đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, việc kết hôn là tự nguyện nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L có quan hệ ngoài hôn nhân, không chung thủy với anh T; Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân; Chị L xác định cuộc sống chung vợ chồng đã không còn tồn tại, tình cảm vợ chồng đã không còn nên mục đích của hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Đến nay, chị L yêu cầu ly hôn. Do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L là phù hợp pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

3.2 Về con chung: Chị L và anh T có 03 người con chung là cháu Lê Văn N, sinh ngày 10/11/2002; Cháu Lê Văn Tr, sinh ngày 05/3/2006; Cháu Lê Thị Minh H, sinh ngày 14/9/2015; Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu Lê Văn Tr và cháu Lê Thị Minh H cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con; Đối với cháu Lê Văn N hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay các con chung là cháu Lê Văn Tr và cháu Lê Thị Minh H đang sống chung với chị L, các cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với chị L nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao các con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.3 Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L; Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lê Văn T.

**2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng:** Giao cho chị Phạm Thị L được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Lê Văn Tr, sinh ngày 05/3/2006 và Lê Thị Minh H, sinh ngày 14/9/2015 cho đến khi đủ 18 tuổi; Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Phạm Thị L.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí:** Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N<sub>o</sub> 0004574 ngày 20/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị Phạm Thị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn; Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận (thay thông báo);
- Lưu: VP, án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Văn Bình**